

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN
STANLEY HƯỚNG VIỆT**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21
CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG	22 - 26

Số: 745 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích trình bày ý kiến về báo cáo tài chính cơ bản một cách tổng thể. Các thông tin bổ sung từ trang 22 đến trang 26 chỉ nhằm cung cấp thêm thông tin mà không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính cơ bản. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính cơ bản này, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		362.474.051.486	360.987.209.864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	3.962.702.896	4.044.391.827
1. Tiền	111		1.662.702.896	2.244.391.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.300.000.000	1.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	347.507.683.000	343.049.405.400
1. Đầu tư ngắn hạn	121		350.000.434.200	345.730.049.945
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.492.751.200)	(2.680.644.545)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.143.142.943	12.816.772.946
1. Phải thu khách hàng	131		-	330.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	95.175.000
3. Các khoản phải thu khác	138	8	10.143.142.943	12.391.597.946
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		860.522.647	1.076.639.691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		705.701.362	1.055.275.812
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		154.821.285	21.363.879
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		2.064.266.748	2.375.308.967
I. Tài sản cố định	220		837.024.794	890.793.662
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	592.429.942	706.418.991
- Nguyên giá	222		5.798.954.502	5.431.888.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.206.524.560)	(4.725.469.911)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	244.594.852	184.374.671
- Nguyên giá	228		3.000.968.383	2.825.846.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.756.373.531)	(2.641.471.712)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.227.241.954	1.484.515.305
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	277.305.248	590.266.072
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	554.712.426	499.024.953
3. Tài sản dài hạn khác	268		395.224.280	395.224.280
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		364.538.318.234	363.362.518.831
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		3.311.873.035	3.172.450.395
I. Nợ ngắn hạn	310		3.311.873.035	3.172.450.395
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	454.657.596	355.483.476
2. Phải trả người lao động	324		983.624.000	558.058.410
3. Chi phí phải trả	316	14	929.791.745	961.173.493
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	916.794.853	1.269.503.535
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		27.004.841	28.231.481
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		361.226.445.199	360.190.068.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	361.226.445.199	360.190.068.436
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.134.983.953	6.031.346.276
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.091.461.246	54.158.722.160
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		364.538.318.234	363.362.518.831

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2014	31/12/2013
1. Chứng khoán lưu ký	006	3.812.790.000	6.331.990.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	3.511.520.000	6.306.480.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	291.750.000	342.700.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	2.711.700.000	5.440.580.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	427.300.000	427.300.000
1.1.4. Chứng khoán giao dịch của khách hàng ủy quyền	011	80.770.000	95.900.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	013	300.520.000	-
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	014	1.950.000	-
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	015	298.570.000	-
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	029	50.000	250.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	030	50.000	-
1.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	031	-	250.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	041	700.000	25.260.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		40.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		660.000	25.260.000



Tô Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Phạm Văn Anh
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu	01		22.502.733.106	31.103.892.061
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		24.564.772	109.382.104
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2.502.939	7.410.035
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	300.000.000
Doanh thu khác	01.9		22.475.665.395	30.687.099.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		22.502.733.106	31.103.892.061
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	821.089.593	1.466.793.635
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		21.681.643.513	29.637.098.426
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.395.901.960	21.206.705.725
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		1.285.741.553	8.430.392.701
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		1.285.741.553	8.430.392.701
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	249.364.790	2.128.184.916
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.036.376.763	6.302.207.785



Tô Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Phạm Văn Anh
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.285.741.553	8.430.392.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	595.956.468	1.149.063.846
Các khoản dự phòng	03	(187.893.345)	502.259.906
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22.368.934.440)	(30.598.024.951)
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(20.675.129.764)	(20.516.308.498)
Thay đổi các khoản phải thu	09	397.366.764	(564.079.325)
Thay đổi chứng khoán tự doanh và đầu tư ngắn hạn khác		(4.270.384.255)	3.844.125.494
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	272.880.047	67.688.227
Thay đổi chi phí trả trước	12	662.535.274	(504.992.206)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(382.822.197)	(3.348.385.504)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(55.687.473)	(244.889.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.051.241.604)	(21.266.841.526)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(542.187.600)	(57.486.668)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.511.740.273	23.097.250.284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.969.552.673	23.039.763.616
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(81.688.931)	1.772.922.090
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.044.391.827	2.271.469.737
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.962.702.896	4.044.391.827



Tô Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Phạm Văn Anh
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 05-CTCK
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại ngày		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư tại ngày	
	01/01/2013	01/01/2014	2013		2014		31/12/2013	31/12/2014
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.401.125.498	6.031.346.276	630.220.778	-	103.637.677	-	6.031.346.276	6.134.983.953
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.486.735.153	54.158.722.160	6.302.207.785	(630.220.778)	1.036.376.763	(103.637.677)	54.158.722.160	55.091.461.246
	353.887.860.651	360.190.068.436	6.932.428.563	(630.220.778)	1.140.014.440	(103.637.677)	360.190.068.436	361.226.445.199



Tô Minh Hương
 Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

th

Phạm Văn Anh
 Kế toán trưởng

th

Lê Thị Hiền
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 26).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Tuy nhiên, chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán chưa được loại trừ ra khỏi bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư 146 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Đây là số tiền của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư tại tài khoản của công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Ghi nhận doanh thu*Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Hoạt động tư vấn

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	30.000.000	30.000.000
Tiền gửi ngân hàng	965.786.132	1.194.766.439
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.693.157	1.659.198
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	665.223.607	1.017.966.190
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.300.000.000	1.800.000.000
	3.962.702.896	4.044.391.827

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.586.931.300	2.732.481.300
Cổ phiếu niêm yết	13.502.900	97.568.645
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	347.400.000.000	342.900.000.000
	350.000.434.200	345.730.049.945
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.487.341.300)	(2.639.172.300)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(5.409.900)	(41.472.245)
	(2.492.751.200)	(2.680.644.545)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	347.507.683.000	343.049.405.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
Chứng khoán tự doanh					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.645	2.586.931.300	-	(2.487.341.300)	99.590.000
- Cổ phiếu niêm yết	730	13.502.900	2.540.100	(5.409.900)	10.633.100
	29.375	2.600.434.200	2.540.100	(2.492.751.200)	110.223.100

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
Chứng khoán tự doanh					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	30.251	2.732.481.300	-	(2.639.172.300)	93.309.000
- Cổ phiếu niêm yết	4.019	97.568.645	5.467.700	(41.472.245)	61.564.100
	34.270	2.830.049.945	5.467.700	(2.680.644.545)	154.873.100

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	(Giảm) so với giá thị	Tổng giá trị thị trường (VND)
			trường (VND)	
Cổ phiếu chưa niêm yết				
PMT	28.400	2.584.400.000	(2.485.000.000)	99.400.000
Cổ phiếu khác (*)	245	2.531.300	(2.341.300)	190.000
Cổ phiếu niêm yết				
QNC	86	2.430.900	(1.717.100)	713.800
VTS	52	1.944.800	(1.476.800)	468.000
Cổ phiếu khác (*)	326	5.724.800	(2.216.000)	3.508.800
	29.109	2.597.031.800	(2.492.751.200)	104.280.600

(*) Cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.134.082.943	12.276.530.836
Phải thu khác	9.060.000	115.067.110
	10.143.142.943	12.391.597.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	65.754.000	4.512.946.402	853.188.500	5.431.888.902
Tăng trong năm	-	367.065.600	-	367.065.600
Tại ngày 31/12/2014	65.754.000	4.880.012.002	853.188.500	5.798.954.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	65.754.000	3.806.527.411	853.188.500	4.725.469.911
Khấu hao trong năm	-	481.054.649	-	481.054.649
Tại ngày 31/12/2014	65.754.000	4.287.582.060	853.188.500	5.206.524.560
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	-	592.429.942	-	592.429.942
Tại ngày 31/12/2013	-	706.418.991	-	706.418.991

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 4.443.213.762 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.115.471.043 VND).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	2.825.846.383
Tăng trong năm	175.122.000
Tại ngày 31/12/2014	3.000.968.383
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	2.641.471.712
Khấu hao trong năm	114.901.819
Tại ngày 31/12/2014	2.756.373.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	244.594.852
Tại ngày 31/12/2013	184.374.671

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 2.447.312.188 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 809.120.140 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	277.305.248	553.267.297
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	36.998.775
	277.305.248	590.266.072

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	98.961.437	98.961.437
Tiền nộp bổ sung	400.748.378	353.125.392
Tiền lãi phân bổ trong năm	55.002.611	46.938.124
	554.712.426	499.024.953

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	454.657.596	341.642.840
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	13.840.636
	454.657.596	355.483.476

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	671.950.570	630.244.565
Phí dịch vụ tư vấn và kiểm toán	189.200.000	240.845.000
Khác	68.641.175	90.083.928
	929.791.745	961.173.493

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	666.913.853	1.019.622.535
Phải trả, phải nộp khác	249.881.000	249.881.000
	916.794.853	1.269.503.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	5.401.125.498	48.486.735.153	353.887.860.651
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.302.207.785	6.302.207.785
Trích lập các quỹ	-	630.220.778	(630.220.778)	-
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	6.031.346.276	54.158.722.160	360.190.068.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.036.376.763	1.036.376.763
Trích lập các quỹ	-	103.637.677	(103.637.677)	-
Tại ngày 31/12/2014	300.000.000.000	6.134.983.953	55.091.461.246	361.226.445.199

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ cho đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép điều chỉnh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	147.000.000.000	49	147.000.000.000	49
Bà Tô Minh Hương	60.000.000.000	20	60.000.000.000	20
Công ty TNHH Thanh Ba	93.000.000.000	31	93.000.000.000	31
	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	816.092.178	797.686.004
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	166.718.045	130.435.294
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.258.299	4.540.404
(Hoàn nhập dự phòng)/Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(187.893.345)	502.259.906
Các chi phí khác	23.914.416	31.872.027
	821.089.593	1.466.793.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.285.741.553	8.430.392.701
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	814.239	7.410.035
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm trước	330.657.000	240.900.000
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	179.206.005	330.657.000
Thu nhập chịu thuế	1.133.476.319	8.512.739.666
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	249.364.790	2.128.184.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	249.364.790	2.128.184.916

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 15 tháng 02 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê tòa nhà số 8 Thiên Quang với Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 129.363.000 VND/tháng trong 24 tháng đầu và sẽ tăng lên 20% kể từ tháng thứ 25 trở đi.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.962.702.896	4.044.391.827
Đầu tư ngắn hạn	347.507.683.000	343.049.405.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.143.142.943	12.721.597.946
Tài sản dài hạn khác	395.224.280	395.224.280
Tổng cộng	362.008.753.119	360.210.619.453
Công nợ tài chính		
Chi phí phải trả	257.841.175	330.928.928
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	916.794.853	1.269.503.535
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.004.841	28.231.481
Tổng cộng	1.201.640.869	1.628.663.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Công ty không có tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào do không có các khoản vay phát sinh trong năm.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty chủ yếu hình thành từ lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.962.702.896	-	3.962.702.896
Đầu tư ngắn hạn	347.507.683.000	-	347.507.683.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.143.142.943	-	10.143.142.943
Tài sản dài hạn khác	-	395.224.280	395.224.280
Tổng cộng	361.613.528.839	395.224.280	362.008.753.119
31/12/2014			
Chi phí phải trả	257.841.175	-	257.841.175
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	916.794.853	-	916.794.853
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.004.841	-	27.004.841
Tổng cộng	1.201.640.869	-	1.201.640.869
Chênh lệch thanh khoản thuần	360.411.887.970	395.224.280	360.807.112.250
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.044.391.827	-	4.044.391.827
Đầu tư ngắn hạn	343.049.405.400	-	343.049.405.400
Phải thu khác	12.721.597.946	-	12.721.597.946
Tài sản dài hạn khác	-	395.224.280	395.224.280
Tổng cộng	359.815.395.173	395.224.280	360.210.619.453
31/12/2013			
Chi phí phải trả	330.928.928	-	330.928.928
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.269.503.535	-	1.269.503.535
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.231.481	-	28.231.481
Tổng cộng	1.628.663.944	-	1.628.663.944
Chênh lệch thanh khoản thuần	358.186.731.229	395.224.280	358.581.955.509

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	5.559.801.563	6.081.042.330

22. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	<u>2014</u>	
	<u>Khối lượng giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	17.209	167.436.300
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	653.381	7.701.292.500
	<u>670.590</u>	<u>7.868.728.800</u>


23. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.




Tô Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015


Phạm Văn Anh
Kế toán trưởng


Lê Thị Hiền
Người lập biểu